

Ngày thi: 24/8/2019

| STT | MSSV     | HỌ TÊN          |        | NGÀY SINH  | NGÀNH       | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-----------------|--------|------------|-------------|----------|------|------------------|
| 1   | 19040659 | Vũ Trường       | Giang  | 03.08.2001 | 19DPD       | NN       | 9,6  | TA B1            |
| 2   | 19041694 | Đỗ Thùy         | Dương  | 18.11.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9,5  | TACLC 2          |
| 3   | 19041591 | Hoàng Kim       | Ngân   | 10.11.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,5  | TACLC 2          |
| 4   | 19041368 | Vũ Thị Huyền    | Trang  | 12.06.2001 | 19TCLCTT23  | CLC TT23 | 9,5  | TACLC 2          |
| 5   | 19041657 | Nguyễn Thu      | Uyên   | 12.02.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,5  | TACLC 2          |
| 6   | 19040649 | Nguyễn Hoàng    | An     | 23.12.2001 | 19DPD       | NN       | 9,4  | TA B1            |
| 7   | 19041687 | Trương Kim      | Chi    | 26.02.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9,4  | TACLC 2          |
| 8   | 19041450 | Nguyễn Thị Minh | Ngọc   | 17.06.2001 | 19DCLCTT23  | CLC TT23 | 9,4  | TACLC 2          |
| 9   | 19040628 | Trần Thị Thu    | Phương | 30.11.2001 | 19PPD       | NN       | 9,4  | TA B1            |
| 10  | 19041665 | Nguyễn Ngọc Mai | Vy     | 18.12.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,4  | TACLC 2          |
| 11  | 19041517 | Đào Kim         | Dung   | 20.09.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,3  | TACLC 2          |
| 12  | 19041619 | Trần Thị Phương | Quỳnh  | 04.01.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,3  | TACLC 2          |
| 13  | 19041347 | Giáp Thị Thanh  | Thuận  | 15.02.2001 | 19TCLCTT23  | CLC TT23 | 9,3  | TACLC 2          |
| 14  | 19041533 | Nguyễn Minh     | Hạnh   | 10.07.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,2  | TACLC 2          |
| 15  | 19040088 | Nguyễn Trung    | Hiếu   | 20.09.2001 | 19DPD       | NN       | 9,2  | TA B1            |
| 16  | 19040116 | Phạm Trần Yên   | Khê    | 03.01.2001 | 19TCLCTT23  | CLC TT23 | 9,2  | TACLC 2          |
| 17  | 19041586 | Võ Tuệ          | Mỹ     | 28.01.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,2  | TACLC 2          |
| 18  | 19041799 | Nguyễn Thị      | Trang  | 03.02.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9,2  | TACLC 2          |
| 19  | 19041380 | Vũ Thị Thanh    | Xuân   | 02.09.2001 | 19TCLCTT23  | CLC TT23 | 9,2  | TACLC 2          |
| 20  | 19041505 | Phạm Thị Huyền  | Châm   | 06.04.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 21  | 19040594 | Đỗ Thái         | Dương  | 12.08.2001 | 19PPD       | NN       | 9,1  | TA B1            |
| 22  | 19041542 | Phan Thanh      | Hiền   | 16.06.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 23  | 19041581 | Bùi Quang       | Minh   | 08.11.2000 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 24  | 19041310 | Nguyễn Thị      | Ngân   | 30.06.2001 | 19TCLCTT23  | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 25  | 19041608 | Nguyễn Thị Hoài | Phương | 05.07.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 26  | 19041781 | Nguyễn Thị Ánh  | Quyên  | 01.06.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 27  | 19041632 | Trịnh Quang     | Thắng  | 20.07.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 28  | 19041801 | Phạm Quỳnh      | Trang  | 09.08.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9,1  | TACLC 2          |
| 29  | 18042521 | Hoàng Minh      | Chiến  | 17.10.2000 | 18JPD       | NN       | 9,1  | TA B1            |
| 30  | 19040579 | Đặng Phương     | Anh    | 02.11.2001 | 19PPD       | NN       | 9    | TA B1            |
| 31  | 19041523 | Nguyễn Hoàng    | Dương  | 01.11.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 32  | 19041711 | Phạm Trung      | Hiếu   | 29.07.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 33  | 19041717 | Nguyễn Tuấn     | Hoà    | 12.07.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 34  | 19041567 | Đoàn Thị Diệu   | Linh   | 12.08.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 35  | 19040407 | Lương Hồng      | Loan   | 18.02.2001 | 19TSP       | SP       | 9    | TA B1            |
| 36  | 19040139 | Phạm Đình       | Mạnh   | 31.05.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 37  | 19040144 | Nguyễn Ngọc     | My     | 16.01.2001 | 19DPD       | NN       | 9    | TA B1            |
| 38  | 19041623 | Trần Thị Thanh  | Thanh  | 07.04.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 39  | 19041813 | Nguyễn Tường    | Vân    | 01.04.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 9    | TACLC 1          |
| 40  | 19041216 | Nguyễn Trang    | Anh    | 15.05.2001 | 19TCLCTT23  | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 41  | 19040244 | Nguyễn Vũ       | Dương  | 16.03.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 42  | 19040110 | Triệu Quốc      | Huy    | 07.02.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 43  | 19040669 | Hà Như          | Khuyên | 01.02.2001 | 19DPD       | NN       | 8,9  | TA B1            |
| 44  | 19041583 | Vũ Văn          | Minh   | 16.10.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 45  | 19040187 | Phạm Như        | Quỳnh  | 15.03.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 46  | 19041626 | Hoàng Phương    | Thảo   | 08.01.2001 | 19JCLCTT23  | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 47  | 19040567 | Phạm Hồng Anh   | Thư    | 22.08.2001 | 19NPD       | NN       | 8,9  | TA B1            |
| 48  | 19041794 | Nguyễn Phương   | Thúy   | 30.01.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |
| 49  | 19041806 | Nguyễn Thị Xuân | Tú     | 17.03.2001 | 19HQCLCTT23 | CLC TT23 | 8,9  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN           |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 50  | 19041490 | Mạc Hà Lan       | Anh    | 10.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 51  | 19041499 | Bùi Thị          | Ánh    | 06.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 52  | 19041098 | VŨ HẢI           | ÂU     | 25.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 53  | 19040070 | Vũ Thị Trà       | Giang  | 19.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 54  | 19041705 | Triệu Văn        | Hào    | 30.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 55  | 19041540 | Nguyễn Thị Bảo   | Hiền   | 20.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 56  | 19040109 | Lương Bá         | Huy    | 28.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 57  | 19041272 | Nghiêm Khánh     | Huyền  | 16.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 58  | 19040607 | Nguyễn Thu       | Huyền  | 07.05.2001 | 19PPD        | NN       | 8,8  | TA B1            |
| 59  | 19041290 | Nguyễn Thị Hoài  | Linh   | 28.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 60  | 19041293 | Nguyễn Tân       | Long   | 10.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 61  | 19041749 | Phạm Nguyễn Thảo | Ly     | 15.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 62  | 19040020 | Bùi Thị Phương   | Ngọc   | 11.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 63  | 19041605 | Nguyễn Doãn Bạch | Như    | 05.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 64  | 19041469 | Phạm Phương      | Thảo   | 05.11.2000 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 65  | 19041630 | Vũ Phương        | Thảo   | 12.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,8  | TACLC 1          |
| 66  | 19040639 | Nguyễn Thị Thu   | Trang  | 20.11.2001 | 19PPD        | NN       | 8,8  | TA B1            |
| 67  | 19040640 | Phạm Thu         | Trang  | 20.09.2001 | 19PPD        | NN       | 8,8  | TA B1            |
| 68  | 19040643 | Đào Việt         | Tuấn   | 23.02.2001 | 19PPD        | NN       | 8,8  | TA B1            |
| 69  | 18042520 | Phạm Việt        | Tùng   | 20.03.2000 | 18KPD        | NN       | 8,8  | TA B1            |
| 70  | 19040423 | Cao Thị Vân      | Anh    | 03.04.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,7  | TA B1            |
| 71  | 19041681 | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh    | 26.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 72  | 19040657 | Trần Thị Tuệ     | Chi    | 23.11.2001 | 19DPD        | NN       | 8,7  | TA B1            |
| 73  | 19040415 | Chu Thị          | Gấm    | 30.05.2001 | 19JSP        | SP       | 8,7  | TA B1            |
| 74  | 19041549 | Nguyễn Mạnh      | Hùng   | 23.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 75  | 19041555 | Nguyễn Tuấn      | Hưng   | 10.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 76  | 19041731 | Nguyễn Văn       | Hưng   | 30.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 77  | 19041557 | Nguyễn Thị Diệu  | Hương  | 10.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 78  | 19040416 | Đặng Khánh       | Huyền  | 28.03.2001 | 19JSP        | SP       | 8,7  | TA B1            |
| 79  | 19040435 | Nguyễn Thị Mai   | Lan    | 19.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,7  | TA B1            |
| 80  | 19041739 | Nguyễn Phương    | Linh   | 22.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 81  | 19040418 | Nguyễn Thị Xuân  | Mai    | 26.06.2001 | 19JSP        | SP       | 8,7  | TA B1            |
| 82  | 19041299 | Trịnh Tố         | Mai    | 13.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 83  | 19041153 | Vũ Thị Trà       | My     | 18.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 84  | 19041774 | Lê Thị Hồng      | Nhung  | 29.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 85  | 19041328 | Nguyễn Thị Hồng  | Phúc   | 22.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 86  | 19040201 | Mai Thị          | Thư    | 26.10.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,7  | TA B1            |
| 87  | 19040637 | Phạm Thị Oanh    | Thư    | 06.05.2001 | 19PPD        | NN       | 8,7  | TA B1            |
| 88  | 19041804 | Vương Thị        | Trang  | 29.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 89  | 19041382 | Bùi Hải          | Yến    | 28.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,7  | TACLC 1          |
| 90  | 19041209 | Nguyễn Thị Thu   | An     | 13.04.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 91  | 19041491 | Nguyễn Quỳnh     | Anh    | 01.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 92  | 19040586 | Phạm Thị Ngọc    | Ánh    | 17.03.2001 | 19PPD        | NN       | 8,6  | TA B1            |
| 93  | 19041535 | Hoàng Lê Thu     | Hăng   | 03.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 94  | 19041246 | Nguyễn Thế Hồng  | Hạnh   | 10.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 95  | 19041712 | Lương Việt       | Hoa    | 10.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 96  | 19041554 | Phạm Thu         | Huyền  | 04.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 97  | 19041588 | Nguyễn Phương    | Nam    | 18.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 98  | 19041764 | Hà Như           | Ngọc   | 31.12.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 99  | 19040181 | Phí Thị Thu      | Phương | 27.05.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,6  | TA B1            |
| 100 | 19041617 | Nguyễn Thị Hương | Quỳnh  | 17.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 101 | 19041361 | Nguyễn Thị Tuyết | Trang  | 02.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 102 | 19040219 | Phạm Thùy        | Trang  | 18.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,6  | TACLC 1          |
| 103 | 19041217 | Nguyễn Vũ Linh   | Anh    | 28.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN           |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 104 | 19040585 | Nguyễn Nhật      | Ánh    | 21.09.2001 | 19PPD        | NN       | 8,5  | TA B1            |
| 105 | 19041682 | Vũ Thị Ngọc      | Ánh    | 12.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 106 | 19041519 | Hoàng Đăng       | Dũng   | 02.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 107 | 19041524 | Nguyễn Thùy      | Dương  | 12.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 108 | 19041231 | Nguyễn Thùy      | Dương  | 06.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 109 | 19041237 | Hoàng Hương      | Giang  | 30.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 110 | 19041698 | Ngô Hương        | Giang  | 31.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 111 | 19041541 | Nguyễn Thị Thu   | Hiền   | 30.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 112 | 19040405 | Bùi Nguyễn Ngọc  | Khánh  | 29.08.2001 | 19TSP        | SP       | 8,5  | TA B1            |
| 113 | 19040129 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh   | 28.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 114 | 19040132 | Nguyễn Thùy      | Linh   | 28.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 115 | 19041594 | Nguyễn Bích      | Ngọc   | 16.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 116 | 19041618 | Trần Diễm        | Quỳnh  | 31.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 117 | 19041633 | Nguyễn Thị Hoài  | Thơ    | 06.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 118 | 19041634 | Kim Phương       | Thu    | 18.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 119 | 19041810 | Chu Thảo         | Vân    | 04.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 120 | 19041811 | Đỗ Thị Thảo      | Vân    | 29.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,5  | TACLC 1          |
| 121 | 19041219 | Trần Phương      | Anh    | 15.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 122 | 19041510 | Nguyễn Ngọc Linh | Chi    | 25.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 123 | 19041686 | Trần Lê Khánh    | Chi    | 21.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 124 | 19041235 | Trần Minh        | Đức    | 28.12.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 125 | 19041723 | Giáp Thị         | Hồng   | 11.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 126 | 19041729 | Trần Diệu        | Huyền  | 06.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 127 | 19040671 | Nguyễn Ngọc      | Linh   | 25.05.2001 | 19DPD        | NN       | 8,4  | TA B1            |
| 128 | 19041313 | Nguyễn Kim       | Ngọc   | 25.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 129 | 19041765 | Nguyễn Thị Mai   | Ngọc   | 12.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 130 | 19041596 | Phạm Thanh       | Ngọc   | 17.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 131 | 19040691 | Nguyễn Kim Minh  | Thương | 26.10.2000 | 19DPD        | NN       | 8,4  | TA B1            |
| 132 | 19041354 | Nguyễn Thanh     | Thúy   | 22.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 133 | 19040214 | Đỗ Mai           | Trang  | 18.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 134 | 19041647 | Hoàng Thu        | Trang  | 28.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 135 | 19040218 | Nguyễn Minh      | Trang  | 18.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 136 | 19041662 | Trần Thị         | Vi     | 30.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,4  | TACLC 1          |
| 137 | 19040699 | Nguyễn Thanh     | An     | 04.05.2001 | 19AR         | NN       | 8,3  | TA B1            |
| 138 | 19040583 | Nguyễn Quỳnh     | Anh    | 16.06.2001 | 19PPD        | NN       | 8,3  | TA B1            |
| 139 | 19041678 | Quách Mai        | Anh    | 29.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 140 | 19041500 | Lưu Thị Ngọc     | Ánh    | 10.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 141 | 19040587 | Vũ Nguyên        | Bình   | 15.12.2001 | 19PPD        | NN       | 8,3  | TA B1            |
| 142 | 19041512 | Nguyễn Thị       | Cúc    | 18.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 143 | 19040520 | Nguyễn Bạch      | Dương  | 27.11.2001 | 19NPD        | NN       | 8,3  | TA B1            |
| 144 | 19041253 | Hồ Lê Thu        | Hiền   | 16.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 145 | 19041431 | Hoàng Tùng       | Lâm    | 23.03.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 146 | 19041741 | Phan Thị Thùy    | Linh   | 24.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 147 | 19041577 | Nguyễn Hồng      | Loan   | 15.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 148 | 19041580 | Nguyễn Thị Thanh | Mai    | 05.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 149 | 19040249 | Đỗ Minh          | Ngọc   | 05.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 150 | 19041312 | Nguyễn Hương     | Ngọc   | 20.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 151 | 19041595 | Nguyễn Thị Ánh   | Ngọc   | 13.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 152 | 19041768 | Đỗ Như           | Nguyệt | 06.12.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 153 | 19041337 | Trương Ngọc      | Phượng | 11.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 154 | 19040690 | Lâm Phương       | Thảo   | 31.01.2001 | 19DPD        | NN       | 8,3  | TA B1            |
| 155 | 19041358 | Đặng Việt        | Toàn   | 11.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 156 | 19041645 | Đinh Thị         | Trang  | 25.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |
| 157 | 19041651 | Võ Hà            | Trang  | 30.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,3  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 158 | 19041669 | Đỗ Thị Hiền       | Anh    | 12.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 159 | 19040581 | Lê Minh           | Anh    | 25.09.2001 | 19PPD        | NN       | 8,2  | TA B1            |
| 160 | 19040045 | Nguyễn Thị Phương | Anh    | 07.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 161 | 19041677 | Phạm Ngọc         | Anh    | 03.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 162 | 19040069 | Đỗ Hương          | Giang  | 11.3.2001  | 19TSP        | SP       | 8,2  | TA B1            |
| 163 | 19041718 | Bùi Thị Thu       | Hoài   | 03.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 164 | 19041545 | Nguyễn Thị        | Hoài   | 10.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 165 | 19040104 | Nguyễn Minh       | Hương  | 10.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 166 | 19041560 | Phan Thu          | Hương  | 14.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 167 | 19041725 | Nguyễn Tiến       | Huy    | 27.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 168 | 19041727 | Đoàn Thanh        | Huyền  | 27.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 169 | 19040432 | Vũ Thị            | Huyền  | 28.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,2  | TA B1            |
| 170 | 19041737 | Lê Ngân           | Linh   | 12.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 171 | 19040134 | Trần Công         | Luận   | 02.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 172 | 19040679 | Vũ Huyền Lam      | My     | 06.10.2001 | 19DPD        | NN       | 8,2  | TA B1            |
| 173 | 19040437 | Đào Đại           | Nghĩa  | 29.08.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,2  | TA B1            |
| 174 | 19040683 | Nguyễn Thị Hồng   | Ngọc   | 29.04.2001 | 19DPD        | NN       | 8,2  | TA B1            |
| 175 | 19041769 | Bùi Lan           | Nhi    | 08.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 176 | 19041607 | Đinh Tâm          | Phương | 06.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 177 | 19041790 | Nguyễn Dạ         | Thảo   | 25.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 178 | 19040633 | Nguyễn Thị Hương  | Thảo   | 08.06.2001 | 19PPD        | NN       | 8,2  | TA B1            |
| 179 | 19041631 | Vũ Thị Phương     | Thảo   | 07.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 180 | 19041792 | Nguyễn Thị Hoài   | Thu    | 15.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 181 | 19040420 | Phạm Thị          | Thùy   | 15.06.2001 | 19JSP        | SP       | 8,2  | TA B1            |
| 182 | 19041649 | Nguyễn Thị Thu    | Trang  | 21.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 183 | 19040216 | Vũ Quỳnh          | Trang  | 15.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 184 | 19040572 | Vũ Thùy           | Trang  | 21.04.2001 | 19NPD        | NN       | 8,2  | TA B1            |
| 185 | 19041668 | Nguyễn Hải        | Yến    | 29.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8,2  | TACLC 1          |
| 186 | 19041214 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Anh    | 20.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 187 | 19041232 | Phạm Thị Nam      | Dương  | 29.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 188 | 19041233 | Thạch Thị Thùy    | Dương  | 26.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 189 | 19041118 | Ngô Thị Mỹ        | Hiền   | 21.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 190 | 19041265 | Trần Thị          | Hoa    | 17.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 191 | 19041719 | Dương Thị         | Hoài   | 13.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 192 | 19041268 | Lê Thị            | Hồng   | 10.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 193 | 19040106 | Ngô Thị Lan       | Hương  | 12.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 194 | 19041734 | Vũ Thu            | Hương  | 05.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 195 | 19041437 | Tạ Ngọc           | Linh   | 25.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 196 | 19040136 | Trần Phương Thảo  | Ly     | 01.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 197 | 19041750 | Lê Thị Ánh        | Mai    | 15.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 198 | 19041755 | Dương Thị Trà     | My     | 22.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 199 | 19041759 | Hoàng Thu         | Nga    | 23.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 200 | 19041449 | Nguyễn Bảo        | Ngọc   | 13.04.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 201 | 19041356 | Nông Anh          | Thư    | 18.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8,1  | TACLC 1          |
| 202 | 19040440 | Dương Quỳnh       | Trang  | 25.10.2001 | 19HQSP       | SP       | 8,1  | TA B1            |
| 203 | 19041494 | Trần Lan          | Anh    | 03.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 204 | 19040030 | Vũ Thế            | Anh    | 03.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 205 | 19041410 | Nguyễn Ngọc       | Diệp   | 06.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 206 | 19040064 | Nguyễn Thị Thùy   | Dung   | 14.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 207 | 19040598 | Đỗ Hương          | Giang  | 08.11.2001 | 19PPD        | NN       | 8    | TA B1            |
| 208 | 19040078 | Nguyễn Thị        | Hằng   | 12.10.2001 | 19HQSP       | SP       | 8    | TA B1            |
| 209 | 19041704 | Nguyễn Thị        | Hạnh   | 22.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 210 | 19041713 | Nguyễn Thị        | Hoa    | 27.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 211 | 19041732 | Dương Quỳnh       | Hương  | 08.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN             |       | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 212 | 19041558 | Nguyễn Thị         | Hương | 16.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 213 | 19041281 | Võ Thị             | Hường | 27.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 214 | 19040112 | Nguyễn Thị Thu     | Huyền | 24.02.2001 | 19JSP        | SP       | 8    | TA B1            |
| 215 | 19040665 | Phan Thị Ngọc      | Huyền | 21.12.2001 | 19DPD        | NN       | 8    | TA B1            |
| 216 | 19041562 | Ngô Bảo            | Khanh | 31.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 217 | 19041282 | Nguyễn Bảo         | Khanh | 26.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 218 | 19040540 | Đinh Ngọc          | Khánh | 11.04.2001 | 19NPD        | NN       | 8    | TA B1            |
| 219 | 19040541 | Hoàng Thiên        | Kim   | 26.03.2001 | 19NPD        | NN       | 8    | TA B1            |
| 220 | 19040616 | Đinh Thị Hà        | My    | 19.06.2001 | 19PPD        | NN       | 8    | TA B1            |
| 221 | 19041307 | Hà Thúy            | Nga   | 11.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 222 | 19041327 | Trần Thế           | Phát  | 14.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 223 | 19041612 | Phạm Anh           | Quân  | 24.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 224 | 19040196 | Phạm Thị Phương    | Thảo  | 25.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 225 | 19040421 | Bùi Thị            | Thư   | 09.05.2001 | 19JSP        | SP       | 8    | TA B1            |
| 226 | 19041815 | Trần Thị Ái        | Vân   | 03.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 8    | TACLC 1          |
| 227 | 19040258 | Bùi Mỹ             | Anh   | 22.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 228 | 19041488 | Lê Huệ             | Anh   | 28.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 229 | 19041684 | Nguyễn Thị Thanh   | Bình  | 22.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 230 | 19041521 | Nguyễn Thị         | Duyên | 17.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 231 | 19041248 | Hoàng Thu          | Hăng  | 13.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 232 | 19041559 | Nguyễn Thị Mai     | Hương | 07.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 233 | 19041287 | Chu Thị Hoài       | Linh  | 26.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 234 | 19041740 | Nguyễn Phương      | Linh  | 02.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 235 | 19041572 | Nguyễn Thị Phương  | Linh  | 30.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 236 | 19041436 | Phạm Hương         | Linh  | 03.03.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 237 | 19040140 | Nguyễn Tuệ         | Minh  | 10.06.2001 | 19JSP        | SP       | 7,9  | TA B1            |
| 238 | 19041311 | Phạm Thúy          | Ngân  | 11.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 239 | 19041773 | Hoàng Thị Hồng     | Nhung | 13.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 240 | 19041329 | Ninh Quang         | Phúc  | 24.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 241 | 19041628 | Nguyễn Thị Phương  | Thảo  | 01.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 242 | 19041636 | Nguyễn Mai         | Thùy  | 30.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 243 | 19041816 | Nguyễn Tường       | Vi    | 24.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 244 | 19041817 | Bùi Thị Lệ         | Xuân  | 23.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,9  | TACLC 1          |
| 245 | 19042017 | Trần Trung         | Đông  | 07.04.1996 | 19DPD        | NN       | 7,9  | TA B1            |
| 246 | 19040414 | Đặng Huệ           | Anh   | 19.10.2001 | 19JSP        | SP       | 7,8  | TA B1            |
| 247 | 19040425 | Hoàng Thị Hải      | Anh   | 14.09.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,8  | TA B1            |
| 248 | 19040655 | Nguyễn Ngọc        | Bích  | 12.06.2001 | 19DPD        | NN       | 7,8  | TA B1            |
| 249 | 19041099 | Âu Linh            | Chi   | 09.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 250 | 19041514 | Đặng Bích          | Diệp  | 31.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 251 | 19041564 | Đặng Hữu Trung     | Kiên  | 20.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 252 | 19040419 | Đặng Thị Hồng      | Minh  | 14.03.2001 | 19JSP        | SP       | 7,8  | TA B1            |
| 253 | 19041757 | Nguyễn Thị Hải     | Nam   | 08.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 254 | 19040620 | Nguyễn Hà Bảo      | Ngọc  | 25.08.2001 | 19PPD        | NN       | 7,8  | TA B1            |
| 255 | 19041601 | Nguyễn Yến         | Nhi   | 26.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 256 | 19040685 | Trương Phương Uyên | Nhi   | 08.03.2001 | 19DPD        | NN       | 7,8  | TA B1            |
| 257 | 19040624 | Văn Thị Hồng       | Nhung | 15.12.2001 | 19PPD        | NN       | 7,8  | TA B1            |
| 258 | 19040724 | Trần Ngọc          | Quang | 20.08.2001 | 19AR         | NN       | 7,8  | TA B1            |
| 259 | 19040725 | Nguyễn Thị Ngọc    | Quyên | 26.07.2001 | 19AR         | NN       | 7,8  | TA B1            |
| 260 | 19041340 | Trần Như           | Quỳnh | 26.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 261 | 19041791 | Vũ Hoàng Hương     | Thảo  | 20.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 262 | 19040203 | Đinh Minh          | Thư   | 26.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 263 | 19041350 | Lâm Thị            | Thúy  | 03.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 264 | 19040213 | Nguyễn Thu         | Trang | 08.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 265 | 19041802 | Phạm Thị Thu       | Trang | 07.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 266 | 19041650 | Phùng Thị         | Trang  | 29.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 267 | 19041376 | Bùi Hồng          | Vân    | 10.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,8  | TACLC 1          |
| 268 | 19041392 | Lê Thị Tú         | Anh    | 11.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 269 | 19041212 | Lưu Thị Vân       | Anh    | 22.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 270 | 19041489 | Lưu Từ Minh       | Anh    | 19.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 271 | 19040652 | Nguyễn Minh       | Anh    | 13.04.2001 | 19DPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 272 | 19041395 | Nguyễn Ngọc       | Anh    | 08.01.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 273 | 19041674 | Nguyễn Phương     | Anh    | 24.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 274 | 19041501 | Phạm Thị Ngọc     | Ánh    | 26.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 275 | 19041683 | Lê Thị Ngọc       | Bảo    | 28.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 276 | 19040067 | Nguyễn Hồng       | Giang  | 07.07.2001 | 19DPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 277 | 19041108 | Nguyễn Trường     | Giang  | 24.02.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 278 | 19041247 | Đặng Thị          | Hằng   | 28.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 279 | 19041260 | Lê Thị Phương     | Hoa    | 28.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 280 | 19040605 | Đỗ Bích           | Huệ    | 27.07.2001 | 19PPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 281 | 19040536 | Tạ Thị Minh       | Huệ    | 20.04.2001 | 19NPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 282 | 19041278 | Trần Thu          | Hương  | 17.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 283 | 19040606 | Nguyễn Thu        | Huyền  | 16.10.2001 | 19PPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 284 | 19040406 | Nguyễn Thị Mỹ     | Linh   | 03.03.2001 | 19TSP        | SP       | 7,7  | TA B1            |
| 285 | 19041756 | Nguyễn Giáp Trà   | My     | 29.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 286 | 19040621 | Vũ Minh           | Ngọc   | 11.12.2001 | 19PPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 287 | 19041318 | Vũ Trần Sơn       | Nguyên | 08.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 288 | 19040688 | Chu Thúy          | Quỳnh  | 11.03.2001 | 19DPD        | NN       | 7,7  | TA B1            |
| 289 | 19041785 | Vũ Như            | Quỳnh  | 30.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 290 | 19041805 | Trần Thị Kiều     | Trinh  | 08.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,7  | TACLC 1          |
| 291 | 19040650 | Đỗ Tú             | Anh    | 20.10.2000 | 19DPD        | NN       | 7,6  | TA B1            |
| 292 | 19041393 | Lê Vân            | Anh    | 07.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 293 | 19041215 | Nguyễn Thị Phương | Anh    | 16.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 294 | 19041089 | Phạm Hà           | Anh    | 28.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 295 | 19041497 | Vương Thị Thảo    | Anh    | 04.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 296 | 19041506 | Phùng Hải Minh    | Châu   | 26.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 297 | 19041509 | Nguyễn Linh       | Chi    | 26.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 298 | 19041700 | Nguyễn Hoàng      | Hà     | 22.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 299 | 19041547 | Vũ Thị            | Hồng   | 25.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 300 | 19040608 | Hoàng Thị Thu     | Hương  | 05.11.2001 | 19PPD        | NN       | 7,6  | TA B1            |
| 301 | 19040095 | Trần Yến          | Hương  | 21.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 302 | 19040431 | Nguyễn Thu        | Huyền  | 07.11.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,6  | TA B1            |
| 303 | 19040119 | Trần Vũ Hương     | Lan    | 15.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 304 | 19041145 | Man Khánh         | Ly     | 04.12.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 305 | 19041296 | Đỗ Thị Ngọc       | Mai    | 30.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 306 | 19041298 | Triệu Thị Nhật    | Mai    | 03.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 307 | 19040147 | Đặng Thị Lê       | Na     | 05.12.2001 | 19TSP        | SP       | 7,6  | TA B1            |
| 308 | 19041593 | Lê Bảo            | Ngọc   | 15.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 309 | 19040622 | Bùi Hồng          | Nhung  | 11.12.2001 | 19PPD        | NN       | 7,6  | TA B1            |
| 310 | 19041610 | Trần Thu          | Phương | 15.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 311 | 19041339 | Nguyễn Thị        | Quỳnh  | 23.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 312 | 19041627 | Nguyễn Phương     | Thảo   | 15.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 313 | 19041629 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | 15.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 314 | 19040693 | Đỗ Thị            | Trang  | 06.06.2001 | 19DPD        | NN       | 7,6  | TA B1            |
| 315 | 19041480 | Hoàng Minh        | Trang  | 23.04.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 316 | 19040570 | Lý Ngọc           | Trang  | 15.11.2001 | 19NPD        | NN       | 7,6  | TA B1            |
| 317 | 19040694 | Ngô Thị Huyền     | Trang  | 05.05.2001 | 19DPD        | NN       | 7,6  | TA B1            |
| 318 | 19041365 | Trần Thị Hiền     | Trang  | 14.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 319 | 19041369 | Vũ Thị Thu        | Trang  | 01.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 320 | 19041656 | Trương Thị Ánh    | Tuyết  | 21.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 321 | 19041814 | Phạm Thảo         | Vân    | 31.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 322 | 19041379 | Mai Nguyễn Bảo    | Vy     | 26.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 323 | 19041819 | Nguyễn Thị Hải    | Yến    | 03.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 324 | 19041820 | Trần Thị Hải      | Yến    | 04.06.2000 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,6  | TACLC 1          |
| 325 | 19041084 | Đàm Lê Lan        | Anh    | 21.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 326 | 19040042 | Đoàn Hà           | Anh    | 06.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 327 | 19041492 | Nguyễn Thị Lan    | Anh    | 13.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 328 | 19041227 | Nguyễn Kiên       | Cường  | 28.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 329 | 19041689 | Nguyễn Hương      | Dung   | 18.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 330 | 19041415 | Phạm Thùy         | Dương  | 17.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 331 | 19041520 | Bùi Thị Mỹ        | Duyên  | 02.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 332 | 19040600 | Nguyễn Thu        | Hà     | 09.02.2000 | 19PPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 333 | 19040404 | Nguyễn Thị Thanh  | Hằng   | 01.08.2001 | 19TSP        | SP       | 7,5  | TA B1            |
| 334 | 19041538 | Nguyễn Thị Thu    | Hằng   | 03.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 335 | 19041251 | Hồ Thị            | Hậu    | 02.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 336 | 19041539 | Nguyễn Thị        | Hậu    | 23.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 337 | 19041259 | Vì Minh           | Hiếu   | 07.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 338 | 19041546 | Nguyễn Thị Thu    | Hồng   | 25.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 339 | 19041724 | Nguyễn Minh       | Huệ    | 01.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 340 | 19041277 | Nguyễn Thị Thu    | Hương  | 11.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 341 | 19041285 | Nguyễn Thị        | Lan    | 11.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 342 | 19041736 | Lê Hoài           | Li     | 11.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 343 | 19040122 | Nguyễn Trần Trang | Linh   | 18.02.2001 | 19PPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 344 | 19040674 | Phạm Bích         | Loan   | 01.07.2001 | 19DPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 345 | 19040677 | Nguyễn Đức        | Minh   | 29.08.2001 | 19DPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 346 | 19041151 | Lê Thị Thảo       | My     | 11.03.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 347 | 19041304 | Đoàn Thị Hoài     | Nam    | 06.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 348 | 19040681 | Lê Thị            | Ngoan  | 28.07.2001 | 19DPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 349 | 19041166 | Nguyễn Minh       | Nguyệt | 09.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 350 | 19040163 | Nguyễn Trang      | Nhung  | 12.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 351 | 19041620 | Nguyễn Thị Minh   | Tâm    | 27.11.1999 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 352 | 19040630 | Nguyễn Thị Phương | Thanh  | 15.02.2001 | 19PPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 353 | 19040632 | Nguyễn Phương     | Thảo   | 26.12.2001 | 19PPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 354 | 19041793 | Phạm Thị Minh     | Thu    | 09.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 355 | 19041353 | Nguyễn Thị Thanh  | Thúy   | 05.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 356 | 19041195 | Lương Thị Thu     | Trang  | 16.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 357 | 19040647 | Nguyễn Thị Hồng   | Vân    | 22.07.2001 | 19PPD        | NN       | 7,5  | TA B1            |
| 358 | 19041485 | Trần Thị Thu      | Vân    | 27.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 359 | 19041386 | Phạm Lê Hoàng     | Yến    | 03.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,5  | TACLC 1          |
| 360 | 19040582 | Lý Mai            | Anh    | 14.11.2001 | 19PPD        | NN       | 7,4  | TA B1            |
| 361 | 19041680 | Trần Thúy         | Anh    | 10.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 362 | 19040702 | Trịnh Quang       | Anh    | 12.03.2001 | 19AR         | NN       | 7,4  | TA B1            |
| 363 | 19041685 | Nguyễn Quỳnh      | Chi    | 05.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 364 | 19041688 | Trương Ngọc       | Diệp   | 16.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 365 | 19041697 | Đặng Hương        | Giang  | 12.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 366 | 19041530 | Nguyễn Thanh      | Hà     | 20.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 367 | 19041864 | Nguyễn Hồng       | Hạ     | 13.09.2000 | 19TSP        | SP       | 7,4  | TA B1            |
| 368 | 19041250 | Phạm Minh         | Hằng   | 02.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 369 | 19041543 | Phan Huy          | Hiệp   | 24.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 370 | 19040108 | Lưu Đức           | Huy    | 04.05.2001 | 19PPD        | NN       | 7,4  | TA B1            |
| 371 | 19041726 | Đỗ Thanh          | Huyền  | 12.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 372 | 19040417 | Nguyễn Thị Ngọc   | Huyền  | 15.10.2001 | 19JSP        | SP       | 7,4  | TA B1            |
| 373 | 19040433 | Phạm Văn          | Khánh  | 02.09.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,4  | TA B1            |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN             |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 374 | 19041294 | Lưu Khánh          | Ly     | 04.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 375 | 19041751 | Nguyễn Ngọc        | Mai    | 02.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 376 | 19041300 | Nguyễn Thị         | My     | 11.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 377 | 19041161 | Đặng Nguyễn Bảo    | Ngọc   | 17.03.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 378 | 19041160 | Đỗ Bích            | Ngọc   | 07.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 379 | 19041317 | Trịnh Bảo          | Ngọc   | 02.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 380 | 19041600 | Phùng              | Nguyễn | 15.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 381 | 19040625 | Hà Hồng            | Oanh   | 27.05.2001 | 19PPD        | NN       | 7,4  | TA B1            |
| 382 | 19041606 | Dương Thị Thu      | Phương | 06.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 383 | 19041334 | Vũ Thị Lan         | Phương | 22.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 384 | 19041477 | Nguyễn Minh        | Thúy   | 15.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 385 | 19041189 | Trương Thị         | Thùy   | 15.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 386 | 19041476 | Nguyễn Thu         | Thủy   | 29.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 387 | 19040695 | Nguyễn Thị Quỳnh   | Trang  | 06.12.2001 | 19DPD        | NN       | 7,4  | TA B1            |
| 388 | 19041374 | Trần Thị           | Tuyền  | 07.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 389 | 19041661 | Nguyễn Mai Hà      | Vi     | 06.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 390 | 19040234 | Nguyễn Thị Thảo    | Vy     | 12.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,4  | TACLC 1          |
| 391 | 19040043 | Lê Hoàng           | Anh    | 05.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 392 | 19040651 | Lê Như             | Anh    | 05.08.2001 | 19DPD        | NN       | 7,3  | TA B1            |
| 393 | 19040048 | Nguyễn Quỳnh       | Anh    | 09.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 394 | 19041498 | Bùi Thị            | Ánh    | 01.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 395 | 19041502 | Vũ Thanh           | Bằng   | 17.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 396 | 19041405 | Nguyễn Hoàng Thanh | Bình   | 24.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 397 | 19041518 | Đinh Thị Thùy      | Dung   | 27.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 398 | 19041693 | Lê Thanh           | Duyên  | 22.12.2000 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 399 | 19041699 | Nguyễn Thị Hà      | Giang  | 05.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 400 | 19040706 | Nguyễn Thị Xuân    | Giang  | 14.03.2001 | 19AR         | NN       | 7,3  | TA B1            |
| 401 | 19041243 | Đàm Nhật           | Hạ     | 20.11.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 402 | 19040429 | Đỗ Nhật            | Hạ     | 25.07.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,3  | TA B1            |
| 403 | 19040080 | Vũ Thị Thu         | Hằng   | 13.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 404 | 19041114 | Trần Hồng          | Hạnh   | 03.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 405 | 19041710 | Lê Thanh           | Hiền   | 27.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 406 | 19041261 | Lương Mỹ           | Hoa    | 15.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 407 | 19041715 | Nguyễn Thị Thu     | Hoa    | 20.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 408 | 19041722 | Đào Thị Minh       | Hồng   | 04.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 409 | 19041548 | Phạm Thị Như       | Huế    | 12.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 410 | 19040107 | Nguyễn Thị Thu     | Hường  | 21.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 411 | 19041738 | Nguyễn Hoàng Diệu  | Linh   | 20.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 412 | 19041569 | Nguyễn Mai         | Linh   | 14.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 413 | 19041291 | Trần Thị           | Linh   | 30.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 414 | 19041155 | Hoàng Văn          | Nam    | 10.03.2000 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 415 | 19041305 | Đặng Thúy          | Nga    | 15.04.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 416 | 19040617 | Đào Thị Thúy       | Nga    | 03.08.2001 | 19PPD        | NN       | 7,3  | TA B1            |
| 417 | 19041308 | Nguyễn Thị         | Nga    | 15.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 418 | 19041309 | Hà Thị Kim         | Ngân   | 08.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 419 | 19041592 | Vũ Thị Hằng        | Ngân   | 21.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 420 | 19040682 | Đỗ Thị Kim         | Ngọc   | 08.05.2001 | 19DPD        | NN       | 7,3  | TA B1            |
| 421 | 19041322 | Nguyễn Thị Uyên    | Nhi    | 29.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 422 | 19041772 | Chu Thị Hồng       | Nhung  | 28.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 423 | 19041330 | Dương Thị Hoài     | Phương | 12.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 424 | 19041789 | Mai Thạch          | Thảo   | 14.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 425 | 19041471 | Trần Thị           | Thảo   | 10.06.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 426 | 19041355 | Nguyễn Thị Thanh   | Thư    | 12.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 427 | 19041641 | Bùi Thị Thủy       | Tiên   | 17.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN           |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 428 | 19040692 | Bùi Nguyễn Thanh | Trang  | 02.02.2001 | 19DPD        | NN       | 7,3  | TA B1            |
| 429 | 19041359 | Bùi Thị Hồng     | Trang  | 29.05.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 430 | 19041644 | Đào Thu          | Trang  | 25.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 431 | 19041204 | Nguyễn Bích      | Vân    | 19.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,3  | TACLC 1          |
| 432 | 19041092 | Phạm Trung       | Anh    | 20.08.2000 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 433 | 19041218 | Trần Lan         | Anh    | 02.11.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 434 | 19041507 | Tạ Thị Ngọc      | Châu   | 12.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 435 | 19041408 | Đinh Thị Linh    | Chi    | 19.06.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 436 | 19041234 | Vũ Bạch          | Dương  | 08.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 437 | 19041703 | Phạm Thị Thu     | Hạ     | 23.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 438 | 19041708 | Lê Thị Thanh     | Hiền   | 25.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 439 | 19041255 | Nguyễn Bích      | Hiền   | 31.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 440 | 19041122 | Nguyễn Thu       | Hòa    | 02.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 441 | 19040096 | Đoàn Thị Thu     | Hương  | 21.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 442 | 19040714 | Nguyễn Quang     | Khải   | 04.01.2001 | 19AR         | NN       | 7,2  | TA B1            |
| 443 | 19041566 | Cao Ngọc         | Linh   | 06.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 444 | 19041289 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh   | 05.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 445 | 19041576 | Trịnh Khánh      | Linh   | 23.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 446 | 19041306 | Đoàn Thị Thúy    | Nga    | 27.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 447 | 19041316 | Trần Thị Hồng    | Ngọc   | 19.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 448 | 19041326 | Trần Thị         | Nhung  | 12.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 449 | 19041776 | Nguyễn Thiên     | Niên   | 17.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 450 | 19041333 | Vũ Quỳnh         | Phương | 12.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 451 | 19041788 | Lê Phương        | Thảo   | 25.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 452 | 19041187 | Nguyễn Thị       | Thu    | 02.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 453 | 19041352 | Nguyễn Phương    | Thúy   | 02.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 454 | 19040207 | Vũ Thu           | Thùy   | 25.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 455 | 19041371 | Phạm Hoàng Bảo   | Trâm   | 25.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 456 | 19041646 | Đặng Thị Huyền   | Trang  | 19.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 457 | 19040222 | Lương Huyền      | Trang  | 01.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,2  | TA B1            |
| 458 | 19041798 | Nguyễn Hằng Thùy | Trang  | 02.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 459 | 19041654 | Nguyễn Thị Thanh | Tú     | 07.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 460 | 19041658 | Nguyễn Thị Hồng  | Vân    | 27.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 461 | 19041206 | Phùng Thị Hải    | Vân    | 04.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,2  | TACLC 1          |
| 462 | 19041670 | Đỗ Thị Vân       | Anh    | 27.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 463 | 19041221 | Trần Vân Hạ      | Anh    | 02.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 464 | 19041101 | Đồng Thị Linh    | Chi    | 27.12.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 465 | 19041695 | Thái Hải         | Đăng   | 10.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 466 | 19041691 | Nguyễn Thị       | Dung   | 27.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 467 | 19041236 | Nguyễn Thị       | Gấm    | 22.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 468 | 19041526 | Đặng Hương       | Giang  | 03.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 469 | 19040068 | Phùng Thu        | Giang  | 24.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 470 | 19040709 | Trần Hồng        | Hạnh   | 08.06.2001 | 19AR         | NN       | 7,1  | TA B1            |
| 471 | 19041116 | Nguyễn Thị       | Hậu    | 14.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 472 | 19040664 | Trần Trung       | Hiếu   | 14.01.2001 | 19DPD        | NN       | 7,1  | TA B1            |
| 473 | 19040430 | Nguyễn Thị       | Huệ    | 07.07.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,1  | TA B1            |
| 474 | 19040712 | Nguyễn Thị Bích  | Huyền  | 03.10.2001 | 19AR         | NN       | 7,1  | TA B1            |
| 475 | 19041553 | Phạm Thị Ngọc    | Huyền  | 02.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 476 | 19041288 | Nguyễn Hải       | Linh   | 14.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 477 | 19041571 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh   | 19.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 478 | 19040436 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh   | 10.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,1  | TA B1            |
| 479 | 19041442 | Đoàn Ngọc        | Mai    | 15.12.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 480 | 19041767 | Vũ Thị Hồng      | Ngọc   | 23.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 481 | 19041456 | Trần Minh        | Nguyệt | 19.01.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN         |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|----------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 482 | 19041171 | Đào Thị Thu    | Phượng | 22.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 483 | 19041176 | Nguyễn Thị Thu | Phượng | 07.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 484 | 19041859 | Phan Bích      | Phượng | 03.09.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 485 | 19041622 | Nguyễn Thị     | Thanh  | 30.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 486 | 19041464 | Quách Đăng Đại | Thành  | 06.04.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 487 | 19040634 | Phan Thị       | Thơm   | 02.01.2001 | 19PPD        | NN       | 7,1  | TA B1            |
| 488 | 19040411 | Đinh Thị Huyền | Trang  | 12.06.2001 | 19TSP        | SP       | 7,1  | TA B1            |
| 489 | 19041800 | Nguyễn Thị     | Trang  | 21.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 490 | 19041363 | Phạm Thị       | Trang  | 04.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 491 | 19041487 | Nguyễn Ngọc    | Yến    | 21.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7,1  | TACLC 1          |
| 492 | 19040237 | Nguyễn Thị Hải | Yến    | 08.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 7,1  | TA B1            |
| 493 | 19040050 | Phùng Thị Ngọc | Ánh    | 22.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 494 | 19040427 | Trần Thị       | Ánh    | 06.08.2001 | 19HQSP       | SP       | 7    | TA B1            |
| 495 | 19041229 | Phạm Thị       | Dịu    | 16.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 496 | 19041230 | Hoàng Khánh    | Duy    | 15.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 497 | 19040071 | Đào Thị        | Hà     | 23.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 498 | 19040079 | Đinh Lê Thúy   | Hằng   | 17.01.2001 | 19JSP        | SP       | 7    | TA B1            |
| 499 | 19041709 | Lê Thị Thu     | Hiền   | 31.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 500 | 19041274 | Hoàng Thu      | Hương  | 16.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 501 | 19041276 | Nguyễn Thị Mai | Hương  | 25.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 502 | 19041550 | Nguyễn Quang   | Huy    | 16.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 503 | 19041136 | Hoàng Bảo      | Linh   | 11.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 504 | 19041575 | Tô Thị Thùy    | Linh   | 10.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 505 | 19041746 | Hoàng Thị      | Lợi    | 15.12.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 506 | 19041748 | Nguyễn Thị     | Ly     | 07.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 507 | 19041760 | Nguyễn Thị     | Nga    | 29.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 508 | 19041763 | Phạm Thu       | Ngân   | 15.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 509 | 19041461 | Nguyễn Anh     | Quân   | 31.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 510 | 19040186 | Vũ Hương       | Quỳnh  | 25.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 511 | 19041184 | Lê Phương      | Thảo   | 09.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 512 | 19041796 | Dương Thị Hoài | Thương | 19.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 513 | 19041653 | Lê Kiều        | Trình  | 15.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 514 | 19041655 | Vũ Minh        | Tuyên  | 13.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 515 | 19041812 | Nguyễn Thị     | Vân    | 02.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 7    | TACLC 1          |
| 516 | 19041493 | Nguyễn Văn     | Anh    | 05.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 517 | 19040588 | Phạm Thị       | Châm   | 15.05.2001 | 19PPD        | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 518 | 19040589 | Nguyễn Minh    | Châu   | 04.12.2001 | 19PPD        | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 519 | 19040066 | Phạm Mỹ        | Duyên  | 09.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 520 | 19041696 | Đặng Hương     | Giang  | 07.12.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 521 | 19041239 | Nguyễn Hương   | Giang  | 16.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 522 | 19041531 | Tạ Thu         | Hà     | 29.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 523 | 19041532 | Trần Thị Minh  | Hà     | 19.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 524 | 19041706 | Phạm Thu       | Hằng   | 28.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 525 | 19041534 | Đào Thị        | Hào    | 02.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 526 | 19041257 | Trần Thị       | Hiền   | 06.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 527 | 19040711 | Trần Trung     | Hiếu   | 16.03.2001 | 19AR         | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 528 | 19041714 | Nguyễn Thị     | Hoa    | 27.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 529 | 19040667 | Trương Thị     | Hương  | 08.10.2001 | 19DPD        | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 530 | 19041433 | Đào Thị Thùy   | Linh   | 05.12.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 531 | 19040670 | Dương Thùy     | Linh   | 15.10.2001 | 19DPD        | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 532 | 19040678 | Bùi Thị Thảo   | My     | 19.10.2001 | 19DPD        | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 533 | 19041445 | Nguyễn Hà      | My     | 20.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 534 | 19041452 | Tuấn Như       | Ngọc   | 27.10.2000 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 535 | 19041319 | Đinh Thị Như   | Nguyệt | 07.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN          |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-----------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 536 | 19041323 | Đỗ Thị Hồng     | Nhung  | 01.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 537 | 19041604 | Trần Thị Trang  | Nhung  | 05.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 538 | 19041777 | Đỗ Thúy         | Phương | 10.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 539 | 19040631 | Mai Phương      | Thảo   | 11.01.2001 | 19PPD        | NN       | 6,9  | TA B1            |
| 540 | 19041344 | Nguyễn Hương    | Thảo   | 12.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 541 | 19041360 | Nguyễn Thị Hà   | Trang  | 18.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 542 | 19041378 | Phan Thị        | Vân    | 01.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,9  | TACLC 1          |
| 543 | 19040584 | Đỗ Thị          | Ánh    | 05.07.2001 | 19PPD        | NN       | 6,8  | TA B1            |
| 544 | 19040003 | Nguyễn Thị Minh | Chi    | 28.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 545 | 19040595 | Nguyễn Thùy     | Dương  | 18.07.2000 | 19PPD        | NN       | 6,8  | TA B1            |
| 546 | 16041642 | Nguyễn Thị      | Duyên  | 28.01.1998 | 16KPD        | NN       | 6,8  | TA B1            |
| 547 | 19041522 | Phạm Thu        | Duyên  | 05.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 548 | 19041238 | Nguyễn Hương    | Giang  | 21.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 549 | 19041528 | Nguyễn Thu      | Giang  | 28.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 550 | 19040525 | Đỗ Thị Hồng     | Hạnh   | 15.03.2001 | 19NPD        | NN       | 6,8  | TA B1            |
| 551 | 19041716 | Trịnh Ngân      | Hoa    | 30.10.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 552 | 19041733 | Trần Thị        | Hương  | 01.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 553 | 19041742 | Đỗ Thị Phương   | Loan   | 31.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 554 | 19041163 | Nguyễn Hồng     | Ngọc   | 25.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 555 | 19041775 | Nguyễn Phương   | Nhung  | 09.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 556 | 19040166 | Nguyễn Thị      | Nhung  | 04.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 557 | 19041779 | Lê Thị          | Phương | 21.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 558 | 19041614 | Bùi Trúc        | Quỳnh  | 20.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 559 | 19041342 | Đặng Thu        | Thảo   | 10.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 560 | 19041349 | Văn Thị         | Thùy   | 22.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 561 | 19041797 | An Thị          | Tiến   | 01.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 562 | 19041809 | Nguyễn Thị      | Uyên   | 22.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 563 | 19041667 | Lê Thị Hải      | Yến    | 08.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 564 | 19041211 | Lê Thị Ngọc     | Anh    | 16.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 565 | 19040061 | Vũ Thị Ngọc     | Diệp   | 23.09.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,8  | TACLC 1          |
| 566 | 19041102 | Nguyễn Thị Minh | Chi    | 30.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 567 | 19041513 | Đào Bích        | Diệp   | 02.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 568 | 19041516 | Bùi Thị Thùy    | Dung   | 18.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 569 | 19041692 | Trần Thị        | Dung   | 20.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 570 | 19041701 | Nguyễn Thị Thu  | Hà     | 07.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 571 | 19041420 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh   | 04.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 572 | 19041127 | Lưu Thanh       | Hương  | 24.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 573 | 19041561 | Doãn Thị Thu    | Hường  | 01.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 574 | 19041280 | Trần Thị Thu    | Hường  | 06.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 575 | 19041284 | Chu Ngọc        | Lan    | 10.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 576 | 19040672 | Nguyễn Thị Nhật | Linh   | 26.05.2001 | 19DPD        | NN       | 6,7  | TA B1            |
| 577 | 19041743 | Nguyễn Thị Kim  | Loan   | 09.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 578 | 19041745 | Vũ Kiều         | Loan   | 06.08.1998 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 579 | 19041578 | Nguyễn Hoàng    | Long   | 02.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 580 | 19041754 | Nguyễn Thị Trà  | Mi     | 12.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 581 | 19041758 | Nguyễn Thị      | Nam    | 24.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 582 | 19041590 | Trần Thị Thúy   | Nga    | 13.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 583 | 19041761 | Nguyễn Kim      | Ngân   | 19.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 584 | 19041598 | Vũ Lê           | Ngọc   | 29.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 585 | 19040623 | Nguyễn Hồng     | Nhung  | 08.09.2001 | 19PPD        | NN       | 6,7  | TA B1            |
| 586 | 19041640 | Phạm Anh        | Thư    | 15.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 587 | 19041475 | Ngô Thanh       | Thủy   | 18.05.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 588 | 19041362 | Phan Thị Kiều   | Trang  | 06.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 589 | 19040642 | Bùi Cẩm         | Tú     | 13.10.2001 | 19PPD        | NN       | 6,7  | TA B1            |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN                   | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|--------------------------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 590 | 19040232 | Chu Thủy Vân             | 22.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 591 | 19041659 | Nguyễn Thị Thảo Vân      | 15.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 592 | 19040442 | Nguyễn Thị Tường Vy      | 29.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 6,7  | TA B1            |
| 593 | 19041384 | Nguyễn Thị Hải Yến       | 15.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 594 | 19041385 | Nguyễn Thị Hải Yến       | 31.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,7  | TACLC 1          |
| 595 | 19041210 | Bùi Thị Lan Anh          | 01.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 596 | 19040506 | Đỗ Mai Anh               | 02.04.2001 | 19NPD        | NN       | 6,6  | TA B1            |
| 597 | 19041390 | Đỗ Ngọc Anh              | 28.12.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 598 | 19041222 | Nguyễn Hiền Châu         | 20.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 599 | 19040403 | Đào Thị Ngọc Diễm        | 02.03.2001 | 19TSP        | SP       | 6,6  | TA B1            |
| 600 | 19040658 | Kiều Diễm                | 23.06.2001 | 19DPD        | NN       | 6,6  | TA B1            |
| 601 | 19041413 | Nguyễn Đức Dũng          | 28.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 602 | 19040601 | Nguyễn Thúy Hà           | 12.09.2001 | 19PPD        | NN       | 6,6  | TA B1            |
| 603 | 19041111 | Nguyễn Việt Hà           | 23.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 604 | 19041707 | Trần Thu Hằng            | 26.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 605 | 19041120 | Nguyễn Quang Hiếu        | 28.02.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 606 | 19041270 | Đinh Ngọc Huyền          | 13.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 607 | 19041728 | Nguyễn Thị Minh Huyền    | 04.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 608 | 19041283 | Trần Thị Kim Khánh       | 30.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 609 | 19041428 | Nguyễn Đình Kiên         | 28.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 610 | 19041735 | Nguyễn Thị Lan           | 24.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 611 | 19041762 | Nguyễn Thị Hiếu Ngân     | 01.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 612 | 19041457 | Nguyễn Bảo Nhi           | 17.06.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 613 | 19041321 | Nguyễn Thị Uyên Nhi      | 11.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 614 | 19040559 | Hà Nam Phương            | 23.12.2001 | 19NPD        | NN       | 6,6  | TA B1            |
| 615 | 19041332 | Phan Thị Thu Phương      | 26.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 616 | 19040629 | Trịnh Hoàng Trinh Phương | 11.05.2001 | 19PPD        | NN       | 6,6  | TA B1            |
| 617 | 19041780 | Trương Thị Phương        | 06.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 618 | 19041621 | Lê Thị Tân               | 01.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 619 | 19041381 | Vũ Kim Xuyên             | 08.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 620 | 19041818 | Nguyễn Hải Yến           | 23.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 621 | 19042013 | Nguyễn Phú Hậu           | 22.07.1996 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,6  | TACLC 1          |
| 622 | 19041672 | Hà Thị Lan Anh           | 12.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 623 | 19041088 | Nguyễn Vân Anh           | 13.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 624 | 19041220 | Trần Thị Lan Anh         | 26.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 625 | 19041223 | Phạm Thị Minh Châu       | 26.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 626 | 19040057 | Lê Văn Chi               | 25.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 627 | 19041262 | Nguyễn Thị Hoa           | 16.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 628 | 19041720 | Hoàng Thị Hoan           | 11.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 629 | 19041269 | Đỗ Thị Huyền             | 28.04.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 630 | 19041552 | Nguyễn Thị Thanh Huyền   | 19.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 631 | 19041573 | Phạm Hoài Linh           | 14.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 632 | 19040138 | Lê Tuyết Mai             | 19.04.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 633 | 19041444 | Nguyễn Trà Mi            | 23.12.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 634 | 19041584 | Nguyễn Ngọc Hà My        | 01.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 635 | 19041302 | Trần Ngọc Trà My         | 18.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 636 | 19041587 | Bùi Đức Nam              | 08.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 637 | 19041314 | Nguyễn Minh Ngọc         | 05.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 638 | 19041180 | Nguyễn Chí Mai Quỳnh     | 20.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 639 | 19041183 | Nguyễn Thị Thu Thanh     | 28.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 640 | 19041857 | Đặng Huyền Trang         | 09.09.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 641 | 19041803 | Phạm Thu Trang           | 16.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 642 | 19041366 | Trần Thu Trang           | 20.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 643 | 19040728 | Bùi Thị Thu Vân          | 16.03.2001 | 19AR         | NN       | 6,5  | TA B1            |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN                  | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 644 | 19041486 | Ngô Thùy Vy             | 10.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,5  | TACLC 1          |
| 645 | 19041394 | Nguyễn Lê Diệp Anh      | 10.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 646 | 19041679 | Trần Thái Thị Tú Anh    | 20.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 647 | 19040703 | Trần Minh Chiến         | 19.06.2001 | 19AR         | NN       | 6,4  | TA B1            |
| 648 | 19041228 | Trần Bích Diệp          | 07.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 649 | 19041525 | Phí Văn Đức             | 23.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 650 | 19041240 | Nguyễn Thị Giang        | 12.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 651 | 19040428 | Nguyễn Trà Giang        | 07.06.2001 | 19HQSP       | SP       | 6,4  | TA B1            |
| 652 | 19041241 | Cần Thu Hà              | 25.04.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 653 | 19041417 | Nguyễn Thị Thu Hà       | 04.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 654 | 19040072 | Phạm Thanh Hà           | 27.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 655 | 19041245 | Dương Thị Hạnh          | 06.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 656 | 19041721 | Nguyễn Minh Hoàng       | 24.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 657 | 19041273 | Bùi Thị Thanh Hương     | 24.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 658 | 19041427 | Đào Quốc Khánh          | 04.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 659 | 19041286 | Bùi Thị Thu Linh        | 12.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 660 | 19040015 | Lại Thùy Linh           | 16.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 661 | 19041138 | Lê Phương Linh          | 01.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 662 | 19041744 | Nguyễn Thị Loan         | 28.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 663 | 19041443 | Nguyễn Trịnh Phương Mai | 07.09.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 664 | 19041753 | Vũ Thị Tuyết Mai        | 08.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 665 | 19041582 | Đàm Gia Minh            | 14.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 666 | 19041152 | Nguyễn Thị Trà My       | 10.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 667 | 19040148 | Vũ Hoàng Nam            | 16.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 668 | 19041766 | Vũ Nguyễn Kim Ngọc      | 07.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 669 | 19040687 | Phạm Thị Phương         | 13.09.2001 | 19DPD        | NN       | 6,4  | TA B1            |
| 670 | 19041341 | Trương Thúy Quỳnh       | 26.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 671 | 19040409 | Bùi Thị Ngọc Thảo       | 21.10.2001 | 19TSP        | SP       | 6,4  | TA B1            |
| 672 | 19041467 | Nguyễn Phương Thảo      | 14.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 673 | 19041643 | Nguyễn Hương Trà        | 17.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 674 | 19041652 | Trần Ngọc Trâm          | 28.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 675 | 19041364 | Tạ Thị Quỳnh Trang      | 23.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 676 | 19041367 | Vũ Quỳnh Trang          | 19.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,4  | TACLC 1          |
| 677 | 19041676 | Nguyễn Thị Việt Anh     | 01.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 678 | 19041398 | Nhữ Trúc Anh            | 07.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 679 | 19041404 | Đặng Hải Bình           | 30.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 680 | 19041411 | Nguyễn Thị Dinh         | 29.01.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 681 | 19041117 | Lê Thị Thu Hiền         | 07.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 682 | 19041423 | Trần Phương Hoa         | 26.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 683 | 19041130 | Trần Ngọc Hương         | 19.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 684 | 19041434 | Nguyễn Bảo Linh         | 22.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 685 | 19040715 | Nguyễn Khánh Linh       | 30.06.2001 | 19AR         | NN       | 6,3  | TA B1            |
| 686 | 19040548 | Trần Thị Loan           | 09.01.2001 | 19NPD        | NN       | 6,3  | TA B1            |
| 687 | 19041439 | Lê Tô Thành Long        | 29.09.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 688 | 19041157 | Hà Kiều Ngân            | 05.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 689 | 19041158 | Nguyễn Kim Ngân         | 04.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 690 | 19041603 | Nguyễn Thị Hồng Nhung   | 07.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 691 | 19041170 | Nguyễn Thị Nôn          | 05.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 692 | 19041613 | Dương Thị Quý           | 22.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 693 | 19040564 | Vũ Thị Thắm             | 03.02.2001 | 19NPD        | NN       | 6,3  | TA B1            |
| 694 | 19041468 | Nguyễn Phương Thảo      | 12.02.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 695 | 19041470 | Phạm Thu Thảo           | 31.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 696 | 19041648 | Nguyễn Thị Huyền Trang  | 05.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 697 | 19041370 | Vũ Thị Thu Trang        | 19.04.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN             |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 698 | 19041201 | Doãn Thị Lan       | Trinh  | 18.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 699 | 19041383 | Mai Thị Ngọc       | Yến    | 02.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,3  | TACLC 1          |
| 700 | 19041097 | Phạm Ngọc          | Ánh    | 24.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 701 | 19040656 | Đinh Hà            | Chi    | 05.12.2001 | 19DPD        | NN       | 6,2  | TA B1            |
| 702 | 19041226 | Hà Phương          | Cúc    | 29.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 703 | 19041702 | Tạ Thúy            | Hà     | 06.12.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 704 | 19041267 | Lưu Thu            | Hoài   | 14.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 705 | 19040010 | Phạm Thị Thu       | Huyền  | 02.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 706 | 19040009 | Vũ Thị Ánh         | Huyền  | 23.02.2001 | 19HQSP       | SP       | 6,2  | TA B1            |
| 707 | 19041131 | Nguyễn Xuân        | Kiên   | 17.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 708 | 19041143 | Vũ Dư Thùy         | Linh   | 19.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 709 | 19041301 | Nguyễn Thị Thảo    | My     | 23.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 710 | 19041447 | Đào Thị Hồng       | Ngát   | 01.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 711 | 19041164 | Nguyễn Thị         | Ngọc   | 17.04.2000 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 712 | 19041453 | Vũ Thị Minh        | Ngọc   | 23.01.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 713 | 19041167 | Hoàng Minh         | Nhật   | 14.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 714 | 19041783 | Vũ Thị Ngọc        | Quyên  | 07.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 715 | 19041784 | Đinh Thị Thúy      | Quỳnh  | 29.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 716 | 19041786 | Nguyễn Thị Thanh   | Thanh  | 01.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 717 | 19041348 | Nguyễn Thị         | Thủy   | 01.05.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 718 | 19041351 | Lương Thanh        | Thúy   | 24.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 719 | 19041198 | Nguyễn Thị         | Trang  | 22.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 720 | 19040208 | Nguyễn Thị         | Trang  | 27.02.2001 | 19TSP        | SP       | 6,2  | TA B1            |
| 721 | 19040644 | Nguyễn Thị Ánh     | Tuyết  | 13.09.2001 | 19PPD        | NN       | 6,2  | TA B1            |
| 722 | 19040576 | Đặng Thanh         | Vân    | 19.10.2001 | 19NPD        | NN       | 6,2  | TA B1            |
| 723 | 19041205 | Nguyễn Thị Cẩm     | Vân    | 23.02.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,2  | TACLC 1          |
| 724 | 19041565 | Trịnh Ngọc         | Lan    | 10.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 725 | 19041135 | Đái Phương         | Linh   | 09.12.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 726 | 19040256 | Phạm Nhật          | Linh   | 26.11.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 727 | 19041141 | Trần Nhật          | Linh   | 20.06.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 728 | 19040552 | Nguyễn Thị Thanh   | Miễn   | 07.11.2000 | 19NPD        | NN       | 6,1  | TA B1            |
| 729 | 19041778 | Hoàng Thị          | Phương | 30.06.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 730 | 19041346 | Hoàng Thị          | Thu    | 19.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 731 | 19040638 | Trần Thị           | Thư    | 09.01.2001 | 19PPD        | NN       | 6,1  | TA B1            |
| 732 | 19041660 | Nguyễn Thị         | Vân    | 23.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6,1  | TACLC 1          |
| 733 | 19041671 | Đặng Kiều          | Anh    | 18.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 734 | 19040654 | Nguyễn Ngọc        | Ánh    | 26.10.2001 | 19DPD        | NN       | 6    | TA B1            |
| 735 | 19041100 | Đặng Quỳnh         | Chi    | 20.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 736 | 19040530 | Nguyễn Thị Thu     | Hiền   | 05.10.2001 | 19NPD        | NN       | 6    | TA B1            |
| 737 | 19040434 | Bùi Thị            | Lan    | 01.12.2001 | 19HQSP       | SP       | 6    | TA B1            |
| 738 | 19041429 | Lê Thị Hương       | Lan    | 05.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 739 | 19041568 | Nguyễn Diệu        | Linh   | 19.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 740 | 19040676 | Vũ Đức             | Mạnh   | 15.2.2001  | 19DPD        | NN       | 6    | TA B1            |
| 741 | 19041156 | Giáp Thị           | Ngà    | 16.02.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 742 | 19041335 | Ninh Thị           | Phương | 18.12.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 743 | 19041196 | Nguyễn Hà          | Trang  | 02.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 744 | 19040215 | Nguyễn Hoàng Thanh | Trang  | 05.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 745 | 19040422 | Phạm Thu           | Trang  | 24.09.2001 | 19JSP        | SP       | 6    | TA B1            |
| 746 | 19041481 | Trần Kiều          | Trang  | 18.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 747 | 19041372 | Nguyễn Thị Tuyết   | Trinh  | 11.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 748 | 19040727 | Nguyễn Thanh       | Tú     | 11.09.2001 | 19AR         | NN       | 6    | TA B1            |
| 749 | 19041854 | Nguyễn Sơn         | Tùng   | 10.06.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 750 | 19041387 | Phạm Thị           | Yến    | 11.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |
| 751 | 19041400 | Vũ Thị Vân         | Anh    | 30.04.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 6    | TA Bổ trợ 1      |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 752 | 19040510 | Nguyễn Thị Tú     | Anh    | 18.02.2001 | 19NPD        | NN       | 5,9  | TA B1            |
| 753 | 19041090 | Phạm Hồng         | Anh    | 11.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 754 | 19041503 | Đỗ Thị Thanh      | Bình   | 18.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 755 | 19041690 | Nguyễn Mỹ         | Dung   | 18.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 756 | 19041412 | Nguyễn Phương     | Dung   | 18.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 757 | 19041421 | Đoàn Thị Thu      | Hiền   | 18.02.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 758 | 19041256 | Trần Thị          | Hiền   | 02.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 759 | 19040090 | Đỗ Hạnh Hiếu      | Hoa    | 13.03.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 760 | 19041263 | Nguyễn Thị        | Hoa    | 23.04.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 761 | 19041266 | Trần Thị          | Hòa    | 22.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 762 | 19041441 | Đỗ Thanh          | Mai    | 09.02.2000 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 763 | 19041169 | Trần Thị Tuyết    | Nhung  | 01.03.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 764 | 19041331 | Khuất Thu         | Phương | 18.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 765 | 19041850 | Lê Văn            | Quang  | 04.02.2000 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 766 | 19040689 | Dương Thị Minh    | Thảo   | 08.03.2001 | 19DPD        | NN       | 5,9  | TA B1            |
| 767 | 19040227 | Nguyễn Thu        | Uyên   | 29.11.2001 | 19JSP        | SP       | 5,9  | TA B1            |
| 768 | 19041085 | Hồ Lê Tâm         | Anh    | 11.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 769 | 19041091 | Phạm Hoàng        | Anh    | 02.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 770 | 19040053 | Đặng Minh         | Châu   | 31.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 771 | 19041105 | Trần Thị Xuân     | Chúc   | 22.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 772 | 19041242 | Nguyễn Thu        | Hà     | 18.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 773 | 19041115 | Nguyễn Thu        | Hằng   | 31.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 774 | 19040613 | Đào Thị Huyền     | Minh   | 25.09.2001 | 19PPD        | NN       | 5,8  | TA B1            |
| 775 | 19040151 | Lê Thị            | Ngân   | 08.04.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 776 | 19041451 | Phương Hồng       | Ngọc   | 19.02.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 777 | 19041770 | Hà                | Nhi    | 10.12.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 778 | 19041609 | Phạm Thị Nhật     | Phương | 18.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 779 | 19041178 | Trần Thu          | Phương | 09.12.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 780 | 19041185 | Vũ Thanh          | Thảo   | 01.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 781 | 19041844 | Bùi Thu           | Thủy   | 26.10.2000 | 19DPD        | NN       | 5,8  | TA B1            |
| 782 | 19041496 | Trịnh Thị Hiền    | Anh    | 15.06.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 783 | 19041112 | Vũ Thị Khánh      | Hạ     | 09.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 784 | 19040092 | Nguyễn Linh       | Huệ    | 06.07.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 785 | 19040666 | Hà Thị Linh       | Hương  | 20.07.2001 | 19DPD        | NN       | 5,7  | TA B1            |
| 786 | 19041275 | Lương Thị Lan     | Hương  | 31.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 787 | 19040016 | Tổng Thị Quỳnh    | Mai    | 16.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 788 | 19041458 | Nguyễn Phương     | Nhi    | 24.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 789 | 19041324 | Hoàng Thị Hồng    | Nhung  | 17.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 790 | 19040635 | Hà Thị Thu        | Thủy   | 18.01.2001 | 19PPD        | NN       | 5,7  | TA B1            |
| 791 | 19041637 | Hoàng Thị         | Thủy   | 11.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 792 | 19041199 | Nguyễn Thùy       | Trang  | 20.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 793 | 19040574 | Mạc Thị Ánh       | Tuyết  | 14.09.2001 | 19NPD        | NN       | 5,7  | TA B1            |
| 794 | 19041663 | Nguyễn Đức        | Việt   | 14.05.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 795 | 19041664 | Trương Hoàng      | Việt   | 02.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 796 | 19041086 | Nguyễn Hải        | Anh    | 05.06.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 797 | 19040523 | Đinh Thị Hương    | Giang  | 11.09.2001 | 19NPD        | NN       | 5,6  | TA B1            |
| 798 | 19041110 | Nguyễn Thị Thu    | Hà     | 01.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 799 | 19041137 | Hoàng Mai         | Linh   | 04.10.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 800 | 19040150 | Vương Thanh       | Ngân   | 20.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 801 | 19040160 | Nguyễn Thanh Uyên | Nhi    | 09.04.2001 | 19TSP        | SP       | 5,6  | TA B1            |
| 802 | 19041325 | Trần Cẩm          | Nhung  | 12.03.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 803 | 19041181 | Trần Thị Diễm     | Quỳnh  | 20.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 804 | 19040189 | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    | 02.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 805 | 19040228 | Nguyễn Thị        | Uyên   | 12.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN           |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 806 | 19041666 | Bùi Thị Hải      | Yến    | 29.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 807 | 19041391 | Đào Tú           | Anh    | 12.09.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 808 | 19040707 | Nguyễn Thị       | Hà     | 02.05.2001 | 19AR         | NN       | 5,5  | TA B1            |
| 809 | 19041249 | Nguyễn Minh      | Hăng   | 04.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 810 | 19040097 | Nguyễn Thu       | Hương  | 29.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 811 | 19040115 | Trịnh Duy        | Khánh  | 18.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 812 | 19041432 | Cao Thị Thùy     | Linh   | 14.06.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 813 | 19041139 | Trần Khánh       | Linh   | 23.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 814 | 19041752 | Nguyễn Thị       | Mai    | 11.08.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 815 | 19041599 | Mai Thảo         | Nguyên | 07.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 816 | 19040180 | Đào Thu          | Phương | 04.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 817 | 19041415 | Đỗ Thị Xuân      | Quỳnh  | 11.03.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 818 | 19041377 | Nguyễn Thị Thảo  | Vân    | 02.04.1999 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 819 | 19040039 | Phạm Lan         | Anh    | 15.05.2001 | 19DPD        | NN       | 5,4  | TA B1            |
| 820 | 19041402 | Phạm Phương      | Ánh    | 27.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 821 | 19041416 | Đặng Thu         | Hà     | 24.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 822 |          | Kim Sung         | Joo    | 09.04.1996 | 19APD        | NN       | 5,4  | TA B1            |
| 823 | 19041430 | Nguyễn Thị       | Lan    | 23.01.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 824 | 19041303 | Trịnh Trà        | My     | 26.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 825 | 19040152 | Lê Mai           | Ngân   | 29.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 826 | 19041373 | Nguyễn Vân       | Trinh  | 15.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 827 | 19040044 | Lưu Thị Vân      | Anh    | 24.05.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 828 | 19040265 | Phạm Ngọc        | Anh    | 16.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 829 | 19041119 | Nguyễn Thị       | Hiền   | 25.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 830 | 19041121 | Nguyễn Thị Quỳnh | Hoa    | 15.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 831 | 19041454 | Nguyễn Thảo      | Nguyên | 10.07.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 832 | 19041357 | Nguyễn Thị       | Thương | 19.08.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 833 | 19040217 | Nguyễn Thị Thu   | Trang  | 05.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 834 | 19040571 | Phạm Thị         | Trang  | 08.06.2001 | 19NPD        | NN       | 5,3  | TA B1            |
| 835 | 19041484 | Lê Thị Thu       | Uyên   | 14.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 836 | 19040260 | Lê Thị Quỳnh     | Anh    | 11.12.2001 | 19NPD        | NN       | 5,2  | TA B1            |
| 837 | 19041123 | Hà Thị Thu       | Hoài   | 01.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 838 | 19041125 | Nguyễn Thu       | Huệ    | 18.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 839 | 19041747 | Nguyễn Hương     | Ly     | 30.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 840 | 19041154 | Lê Thiện         | Mỹ     | 08.12.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 841 | 19041589 | Phạm Thị Thanh   | Nga    | 08.07.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 842 | 19041168 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhung  | 27.02.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 843 | 19041635 | Dương Thị        | Thùy   |            | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 844 | 19040441 | Nguyễn Thị       | Trang  | 01.02.2001 | 19HQSP       | SP       | 5,2  | TA B1            |
| 845 | 19041087 | Nguyễn Thị Ngọc  | Anh    | 23.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 846 | 19040049 | Phan Thủy        | Anh    | 12.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 847 | 19040701 | Trần Thị Hải     | Anh    | 21.05.2001 | 19AR         | NN       | 5,1  | TA B1            |
| 848 | 19041409 | Phùng Quỳnh      | Chi    | 20.08.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 849 | 19041104 | Nguyễn Thị       | Chiêm  | 16.11.2000 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 850 | 19041536 | Lê Thanh         | Hăng   | 17.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 851 | 19041426 | Phạm Thị Mai     | Hương  | 28.12.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 852 | 19041424 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền  | 02.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 853 | 19041140 | Trần Nguyễn Thùy | Linh   | 16.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 854 | 19041144 | Lê Khánh         | Ly     | 25.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 855 | 19041597 | Trần Thị Hồng    | Ngọc   | 09.09.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 856 | 19040627 | Phạm Thị Lan     | Phương | 26.09.2001 | 19PPD        | NN       | 5,1  | TA B1            |
| 857 | 19041638 | Lương Thu        | Thủy   | 20.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 858 | 19041478 | Hà Thị Huyền     | Trang  | 02.09.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 859 | 19041482 | Bùi Ngọc         | Tú     | 13.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 860 | 19041483 | Nguyễn Thị        | Tuyết  | 29.04.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 861 | 19041203 | Bùi Phương        | Uyên   | 26.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 862 | 19041808 | Lê Thị Thảo       | Uyên   | 27.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 863 | 19042012 | Trần Minh         | Hiếu   | 30.08.1993 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 864 | 19040031 | Ma Quang Vũ       | Anh    | 25.01.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 5    | TA Bổ trợ 1      |
| 865 | 19040034 | Phạm Thị Ngọc     | Anh    | 23.02.2001 | 19JSP        | SP       | 5    | TATC2            |
| 866 | 19040604 | Nguyễn Việt       | Hoàng  | 07.11.2001 | 19PPD        | NN       | 5    | TATC2            |
| 867 | 19040549 | Hoàng Thị Yến     | Ly     | 29.08.2000 | 19NPD        | NN       | 5    | TATC2            |
| 868 | 19040146 | Chu Hà            | My     | 30.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5    | TA Bổ trợ 1      |
| 869 | 19040182 | Nguyễn Thị Thanh  | Quý    | 01.02.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5    | TA Bổ trợ 1      |
| 870 | 19041616 | Nguyễn Như        | Quỳnh  | 13.02.2000 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 5    | TA Bổ trợ 1      |
| 871 | 19040022 | Phan Hoài         | Thương | 02.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 5    | TA Bổ trợ 1      |
| 872 | 19041103 | Trần Minh         | Chi    | 27.06.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 873 | 19041106 | Nguyễn Thị Mỹ     | Duyên  | 07.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 874 | 19041165 | Phạm Mai          | Ngọc   | 11.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 875 | 19041338 | Đoàn Thị Như      | Quỳnh  | 06.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 876 | 19041182 | Ngô Thị Thanh     | Tâm    | 15.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 877 | 19041456 | Hà Phương         | Thảo   | 27.02.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 878 | 19041345 | Phạm Thảo         | Thơm   | 03.11.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 879 | 19041208 | Nguyễn Thị Hải    | Yến    | 01.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 880 | 19041406 | Nguyễn Thanh      | Bình   | 29.05.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 881 | 19041109 | Nguyễn Thị        | Hà     | 23.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 882 | 19041271 | Hứa Thu           | Huyền  | 09.07.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 883 | 19041197 | Nguyễn Thị Thu    | Trang  | 03.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 884 | 19041113 | Lương Thị Ngọc    | Hạnh   | 12.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 885 | 19041425 | Phạm Thị Thanh    | Huyền  | 14.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 886 | 19041730 | Trần Thu          | Huyền  | 18.09.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 887 | 19041147 | Nguyễn Hoàng      | Mai    | 17.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 888 | 19041190 | Đỗ Thị Thu        | Thủy   | 04.07.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 889 | 19041194 | Đỗ Thị Thùy       | Trang  | 05.05.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 890 | 19040220 | Tạ Thị Thu        | Trang  | 05.02.2001 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 4,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 891 | 19040653 | Hoàng Thị Minh    | Ánh    | 24.12.2001 | 19DPD        | NN       | 4,6  | TATC2            |
| 892 | 19041397 | Nguyễn Thị Phương | Anh    | 01.01.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 893 | 19041399 | Trịnh Quỳnh       | Anh    | 11.10.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 894 | 19040522 | Trần Trọng        | Đức    | 05.03.2001 | 19NPD        | NN       | 4,6  | TATC2            |
| 895 | 19040524 | Hoàng Thu         | Hà     | 23.11.2001 | 19NPD        | NN       | 4,6  | TATC2            |
| 896 | 19041148 | Trần Xuân         | Mai    | 04.04.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 897 | 19041853 | Phùng Thị         | Nguyệt | 06.01.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 898 | 19040173 | Đỗ Minh           | Phương | 08.08.2001 | 19TSP        | SP       | 4,6  | TATC2            |
| 899 | 19041625 | Đào Thị           | Thảo   | 22.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 4,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 900 | 19041191 | Nguyễn Hồng       | Thúy   | 04.06.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 901 | 19041495 | Trần Thị Lan      | Anh    | 05.11.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 4,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 902 | 19041094 | Trần Thị Phương   | Anh    | 29.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 903 | 19041315 | Nguyễn Thị Ánh    | Ngọc   | 27.12.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 904 | 19040558 | Nguyễn Vũ Thảo    | Nguyên | 30.11.2001 | 19NPD        | NN       | 4,5  | TATC2            |
| 905 | 19041849 | Hà Thị Phương     | Trang  | 16.08.2000 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 4,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 906 | 19041389 | Bùi Thị Phương    | Anh    | 20.03.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 907 | 19041403 | Nguyễn Ngọc       | Bích   | 03.12.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 908 | 19040113 | Võ Thị Thanh      | Huyền  | 24.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 909 | 19041440 | Đoàn Thị          | Lương  | 06.05.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 910 | 19041096 | Đào Thị Minh      | Ánh    | 04.01.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 911 | 19041866 | Lê Thị Yến        | Nhi    | 17.12.2000 | 19TSP        | SP       | 4,3  | TATC2            |
| 912 | 19040717 | Hứa Thị           | Lưu    | 23.07.2001 | 19AR         | NN       | 4,2  | TATC2            |
| 913 | 19041179 | Đàm Lệ            | Quỳnh  | 22.02.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 4,2  | TA Bổ trợ 1      |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            |        | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 914 | 19041446 | Vũ Thị            | My     | 03.11.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 4,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 915 | 19040720 | Nguyễn Trọng      | Nam    | 22.05.2001 | 19AR         | NN       | 4,1  | TATC2            |
| 916 | 19041865 | Hoàng Thị Minh    | Thu    | 14.10.2000 | 19TSP        | SP       | 4,1  | TATC2            |
| 917 | 19040153 | Vũ Việt           | Nghĩa  | 17.02.2001 | 19JSP        | SP       | 4    | TATC2            |
| 918 | 19040204 | Nguyễn Thị Thanh  | Thúy   | 27.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 4    | TA Bổ trợ 1      |
| 919 | 19040251 | Đào Phương        | Trang  | 06.01.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 4    | TA Bổ trợ 1      |
| 920 | 19041846 | Kim Thị Tú        | Uyên   | 28.08.2000 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 4    | TA Bổ trợ 1      |
| 921 | 19041396 | Nguyễn Thị Lan    | Anh    | 16.09.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 3,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 922 | 19040149 | Nguyễn Thị Hà     | Ngân   | 22.12.2001 | 19TSP        | SP       | 3,9  | TATC2            |
| 923 | 19041173 | Đoàn Hoài         | Phương | 25.12.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 3,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 924 | 19041639 | Nông Phương       | Thúy   | 25.04.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 3,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 925 | 19040698 | Dương Yến         | Vy     | 03.02.2001 | 19DPD        | NN       | 3,9  | TATC2            |
| 926 | 19040236 | Nguyễn Thị        | Yến    | 19.06.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 3,9  | TA Bổ trợ 1      |
| 927 | 19041213 | Nguyễn Hoàng Châu | Anh    | 12.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 3,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 928 | 19041860 | Nông Quốc         | Huy    | 10.06.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 3,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 929 | 19041193 | Bùi Huyền         | Trang  | 02.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 3,8  | TA Bổ trợ 1      |
| 930 | 19040159 | Lê Thảo           | Nguyên | 15.12.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 3,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 931 | 19041851 | Trần Thị          | Tuyết  | 29.01.2000 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 3,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 932 | 19040554 | Đặng Thị Hiếu     | Ngân   | 01.10.2001 | 19NPD        | NN       | 3,6  | TATC2            |
| 933 | 19041867 | Sầm Thị Lệ        | Quyên  | 09.01.2000 | 19TSP        | SP       | 3,6  | TATC2            |
| 934 | 19041848 | Đoàn Ngọc         | Bích   | 20.11.1999 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 3,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 935 | 19040188 | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    | 21.02.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 3,5  | TA Bổ trợ 1      |
| 936 | 19041845 | Hà Thị            | Lam    | 20.10.2000 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 3,4  | TA Bổ trợ 1      |
| 937 | 19040167 | Trần Anh Trang    | Nơ     | 29.05.2001 | 19PPD        | NN       | 3,4  | TATC2            |
| 938 | 19041515 | Thiều Thị Ngọc    | Diệp   | 06.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 3,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 939 | 19041858 | Hà Thu            | Trang  | 27.02.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 3,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 940 | 19041862 | Trần Thu          | Thùy   | 22.08.2000 | 19HQSP       | SP       | 3,2  | TATC2            |
| 941 | 19042011 | Nguyễn Văn        | Huy    | 15.05.1993 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 3,2  | TA Bổ trợ 1      |
| 942 | 19041133 | Bùi Phương        | Linh   | 28.11.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 3,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 943 | 19040563 | Trần Bích         | Thảo   | 11.12.2001 | 19NPD        | NN       | 3,1  | TATC2            |
| 944 | 19040573 | Nguyễn Thị Kim    | Tuyến  | 14.01.2001 | 19NPD        | NN       | 3,1  | TATC2            |
| 945 | 19040233 | Dương Hoàng       | Việt   | 23.10.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 3,1  | TA Bổ trợ 1      |
| 946 | 19041868 | Hoàng Thị Mỹ      | Hoa    | 20.09.2000 | 19TSP        | SP       | 3    | TATC2            |
| 947 | 19040114 | Trần Thu          | Huyền  | 15.12.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 3    | TA Bổ trợ 1      |
| 948 | 19041861 | Hoàng Thị Bích    | Ngọc   | 05.10.2000 | 19HQSP       | SP       | 3    | TATC2            |
| 949 |          | Kim So            | Yeon   | 13.03.2001 | 19APD        | NN       | 3    | TATC2            |
| 950 | 19040641 | Vũ Thu            | Trang  | 18.09.2001 | 19PPD        | NN       | 2,9  | TATC2            |
| 951 | 19041855 | Nguyễn Hồng       | Anh    | 13.06.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 2,7  | TA Bổ trợ 1      |
| 952 | 19041252 | Đỗ Thảo           | Hiền   | 16.09.2001 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 2,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 953 | 19040162 | Đỗ Thị            | Nhung  | 08.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 2,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 954 | 19040195 | Hoàng Phương      | Thảo   | 17.03.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 2,6  | TA Bổ trợ 1      |
| 955 | 19040528 | Lưu Thanh         | Hằng   | 31.12.2001 | 19NPD        | NN       | 2,5  | TATC2            |
| 956 | 19041852 | Mai Phi           | Long   | 11.07.2000 | 19TCLCTT23   | CLC TT23 | 2,3  | TA Bổ trợ 1      |
| 957 | 19041095 | Trịnh Vân         | Anh    | 27.09.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 958 | 19041848 | Đoàn Ngọc         | Bích   | 20.11.1999 | 19HQCLCTT23  | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 959 | 19041556 | Nguyễn Mai        | Hương  | 07.08.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 960 | 19041128 | Nguyễn Thiên      | Hương  | 20.06.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 961 | 19041563 | Khúc Minh         | Khánh  | 16.01.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 962 | 19040135 | Nguyễn Thị Hương  | Ly     | 24.12.2000 | 19PPD        | NN       | 0    | Phải thi lại     |
| 963 | 19041448 | Hoàng Trung       | Nghĩa  | 18.12.1998 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 964 | 19040618 | Phạm Đắc          | Nghĩa  | 14.11.2001 | 19PPD        | NN       | 0    | Phải thi lại     |
| 965 | 19041162 | Ngô Thị Bảo       | Ngọc   | 22.08.2001 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 966 | 19041177 | Phạm Hà           | Phương | 14.03.2000 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 967 | 19041611 | Phạm Thị          | Phương | 01.10.2001 | 19JCLCTT23   | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |

| STT | MSSV     | HỌ TÊN            | NGÀY SINH  | NGÀNH        | CTĐT     | ĐIỂM | HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ |
|-----|----------|-------------------|------------|--------------|----------|------|------------------|
| 968 | 19041463 | Lê Thị Tân        | 03.02.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 969 | 19040726 | Bùi Thị Thu Trang | 24.11.2001 | 19AR         | NN       | 0    | Phải thi lại     |
| 970 | 19041479 | Hoàng Kiều Trang  | 30.04.2001 | 19DCLCTT23   | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 971 | 19041200 | Phạm Huyền Trang  | 28.08.2000 | 19PPDCLCTT23 | CLC TT23 | 0    | Phải thi lại     |
| 972 | 19040696 | Nguyễn Thanh Tú   | 06.07.2001 | 19DPD        | NN       | 0    | Phải thi lại     |
| 973 | 19040645 | Phạm Thị Tuyết    | 02.01.2001 | 19PPD        | NN       | 0    | Phải thi lại     |

*Danh sách có 973 sinh viên.*

Phải thi lại 17  
TACLC 1 558  
TACLC 2 23  
TA B1 175  
TATC2 26  
TA Bổ trợ 1 174

*Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2019*

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

(đã kí)

**Hà Lê Kim Anh**